

Thứ ba, ngày 30 tháng 7 năm 2019

Vietnam Daily Review

Áp lực chốt lời mạnh mẽ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/7/2019		•	
Tuần 29/7-2/8/2019		•	
Tháng 7/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: VN-Index mở đầu phiên sáng với diễn biến khá tích cực khi sớm chạm mốc 1,000 điểm nhờ lực mua đột phá ở các mã bluechips như VHM, VCB, SAB, VNM. Tuy nhiên, áp lực chốt lời gia tăng tại các mã VHM, VIC, GAS, BID trong phiên chiều khiến chỉ số quay đầu lùi sâu về dưới mốc tham chiếu. Thị trường hôm nay có phiên giao dịch giằng co trái ngược với xu hướng chung trong khu vực. Việc thiếu động lực bứt phá cùng hoạt động bán ròng mạnh của khối ngoại sau chuỗi mua ròng đã khiến cho chỉ số chưa thể chinh phục ngưỡng tâm lý 1,000 điểm. **Nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng khi thị trường vẫn còn rung lắc trong vùng giá này và chỉ nên đầu tư vào những mã cơ bản tốt đang có dấu hiệu hồi phục trở lại.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm giá theo đà giảm của chỉ số cơ sở. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn có thể theo dõi và ưu tiên những nhịp canh mua với vùng giá mục tiêu là 890-895 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn và 900-905 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/07/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. Các chỉ báo kỹ thuật đã cho thấy tín hiệu điều chỉnh giảm ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Lực bán có thể tiếp diễn trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_BDS & Khu công nghiệp -0.2%.

Danh mục BDS & Khu công nghiệp hôm nay giảm nhẹ hơn thị trường với -0.2%, đồng thời, danh mục Vật liệu xây dựng giảm 2.2%, tuy nhiên, đây là danh mục gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan.

Phân tích kỹ thuật: ACV_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-11.92** điểm, đóng cửa 986.02. HNX-Index **-0.86** điểm, đóng cửa 104.43
- Kéo chỉ số tăng: SAB (+0.58); TLG (+0.08); HAG (+0.04); VPI (+0.03); VHC (+0.02)
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-3.65); VIC (-1.87); GAS (-1.12); BID (-0.79); VRE (-0.61)
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,013.77 tỷ đồng, **+9.62 %** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 16.75 điểm. Thị trường có 89 mã tăng và 207 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: 177.38 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VJC (131.99 tỷ), HPG (32.58 tỷ) và VNM (23.22 tỷ). Giống như những phiên gần đây, họ tiếp tục bán ròng trên sàn HNX với giá trị 49.21 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 986.02

Giá trị: 3013.77 tỷ **-11.92 (-1.19%)**

Khối ngoại (ròng): -177.38 tỷ

HNX-INDEX 104.43

Giá trị: 322.3 tỷ **-0.86 (-0.82%)**

Khối ngoại (ròng): -49.21 tỷ

UPCOM-INDEX 58.43

Giá trị: 388.11 tỷ **-0.75 (-1.27%)**

Khối ngoại(ròng): 24.41 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.3	0.74%
Giá vàng	1,427	0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,202	-0.05%
Tỷ giá EUR/VND	25,853	0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,366	0.13%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	7.25%
LS TPCP 5 năm	3.6%	-0.55%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	76.0	PVT	16.0
DGW	29.9	HPG	15.4
KBC	21.3	HDB	9.7
MSN	16.5	PVD	8.0
VJC	16.1	VNM	7.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
i-INVEST	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp -0.2%

Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
BDS & Khu công nghiệp	-0.2%	-0.7%	1.5%	-1.5%	4.8%	2.6%
Hàng tiêu dùng	-0.3%	-1.2%	3.1%	2.2%	7.2%	9.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	-0.9%	3.2%	3.6%	6.3%	8.0%
Dầu khí	-0.9%	0.1%	2.3%	-1.2%	15.1%	20.3%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.1%	-3.4%	-1.2%	-5.8%	3.4%	0.2%
Ngân hàng	-1.2%	-1.7%	7.1%	0.7%	6.5%	2.4%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.4%	-2.3%	-0.9%	-4.8%	2.9%	-6.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.4%	-0.5%	2.2%	-0.8%	8.0%	4.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.7%	-2.8%	-1.1%	0.4%	8.7%	21.7%
Xây dựng	-1.8%	-3.3%	-1.4%	-1.4%	-5.1%	-11.4%
Nước & Năng lượng	-1.8%	-2.4%	-0.6%	-1.7%	6.3%	18.8%
Chiến tranh thương mại	-2.1%	-3.6%	-2.8%	-2.6%	2.3%	12.2%
Vật liệu Xây dựng	-2.2%	-3.2%	0.0%	-1.4%	7.9%	5.4%
VNINDEX	-1.2%	-0.3%	3.8%	0.7%	8.3%	3.8%
VN30INDEX	-1.2%	-1.2%	1.6%	-1.4%	1.0%	-5.3%

Phân tích kỹ thuật

ACV_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, RSI phá kênh Bollinger trên.
- Đường MA: MA20 cắt xuống MA50 và nằm dưới MA200.

Nhận định: Cổ phiếu ACV đang nằm trong giai đoạn tích lũy quanh ngưỡng giá 82 sau khi điều chỉnh mạnh từ ngưỡng giá 97 của giai đoạn trước. Cổ phiếu đã cho thấy khởi đầu tín hiệu khá tích cực trong hai phiên tăng điểm gần đây. Thanh khoản cổ phiếu có xu hướng tăng trở lại đồng thuận với nhịp tăng giá và đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên. Chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tăng khá mạnh trong khi chỉ báo MACD báo hiệu tín hiệu khởi đầu xu hướng tăng khá tích cực. Tuy vậy, đường giá ACV chưa vượt được dải mây Ichimoku cũng sẽ hạn chế xu hướng tăng trong trung hạn của cổ phiếu. Như vậy, ACV sẽ kiểm tra lại vùng kháng cự 88-90 trong các phiên giao dịch tới.

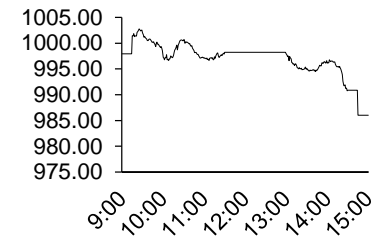


Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

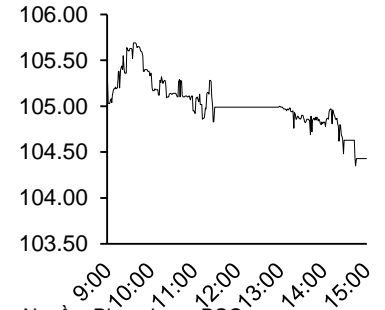
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành trong ngày

Ngành	%±
Truyền thông	-3.83%
Bất động sản	-2.24%
Tài nguyên Cơ bản	-1.96%
Bán lẻ	-1.89%
Điện, nước & xăng dầu khí d	-1.78%
Công nghệ Thông tin	-1.35%
Hóa chất	-1.19%
Dịch vụ tài chính	-1.08%
Ngân hàng	-0.96%
Xây dựng và Vật liệu	-0.94%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.73%
Du lịch và Giải trí	-0.68%
Y tế	-0.49%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.31%
Bảo hiểm	-0.25%
Dầu khí	-0.20%
Thực phẩm và đồ uống	0.08%
Ô tô và phụ tùng	0.12%

Nguồn: FiinPro

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 30/07/2019

Mặt hàng	ĐVT	30/07	% D	% W	% M	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	57.33	1.80%	1.93%	-3.62%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.05	0.87%	1.19%	-1.61%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.87	0.08%	2.48%	-2.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1425.14	0.00%	0.55%	2.94%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.46	0.32%	0.73%	8.75%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	884.03	0.23%	-0.47%	-0.17%	PNJ	PNJ
Lúa mì	UScent/bushel	501.81	1.31%	2.99%	-2.37%	PNJ	PNJ
Sữa	USD /cwt	17.47	-0.06%	0.34%	7.38%	HKB	DBC, QNS
Cao su	JPY/kg	228.60	0.35%	-0.26%	-1.97%		AFX
Đường	US cent/lb	12.07	0.42%	4.41%	-3.98%	VNM, GTN, QNS	KDC
Chè	USD/kg	2.87	13.89%	13.89%	20.08%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Cà phê	US cent/lb	100.55	0.80%	-3.76%	-8.17%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Đồng	USD /lb	2.70	0.54%	-0.38%	0.92%	GTN, DLG	DLG
Thép	CNY/ton	4070.00	-0.20%	-0.25%	6.60%	CTP, DLG	VCF, CTP
Nhôm	USD/ton	1811.00	0.50%	-2.00%	1.17%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	117.50	1.29%	-3.29%	2.17%		CAV. SAM, TGP, VTH
Than đá	USD/ton	75.00	1.26%	-0.57%	7.94%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2019 đóng cửa ngày 29/7 tăng 25 US cent lên 63.71 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI cùng kỳ hạn tăng 67 US cent lên 56.87 USD/thùng.
- Giá dầu tăng trong phiên vừa qua do triển vọng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) sắp cắt giảm lãi suất. Thông tin này khiến thị trường tạm quên đi mối lo ngại các cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung chưa thể giải quyết hết xung đột giữa hai bên và kinh tế toàn cầu do đó vẫn chịu tác động khiến tăng trưởng chậm lại.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.2% lên 1,420.51 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 8/2019 của Mỹ đóng cửa tăng 0.1% lên 1,420.4 USD/ounce.
- Giá vàng vững trong phiên giao dịch vừa qua do dự đoán Fed sẽ hạ lãi suất trong kỳ họp tới, giữa bối cảnh các nhà kinh doanh vàng đang hy vọng Fed sẽ bắt đầu một "chu kỳ" cắt giảm lãi suất.

Giá thép

- Thép cây trên sàn Thượng Hải kỳ hạn tháng 10/2019 giảm 1,9% xuống 3.77 CNY (562,77 USD)/tấn. Thép cuộn cán nóng cũng giảm 1,8% xuống 3.797 CNY/tấn. Cả 2 mức giá đều thấp nhất kể từ 21/6/2019.
- Giá thép trên thị trường Trung Quốc giảm xuống mức thấp nhất 5 tuần vì thành phố Đường Sơn (nơi sản xuất thép hàng đầu Trung Quốc) sắp kết thúc giai đoạn hạn chế sản xuất thép.

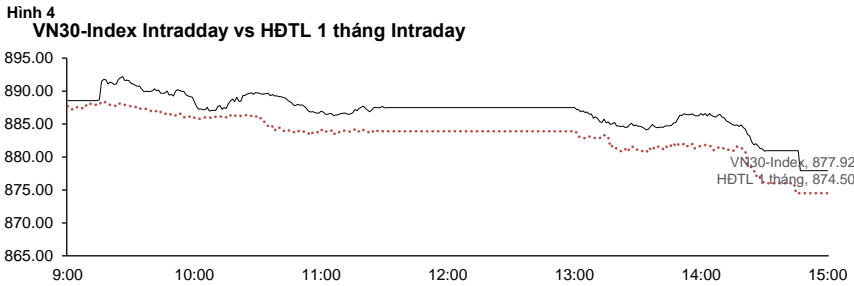
Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9/2019 kết thúc phiên tăng 1.4 US cent hay 1.4% lên 1.0115 USD/lb hồi phục từ mức thấp nhất hơn 1 tháng là 98,75 USD lúc đầu phiên vừa qua. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9/2019 tăng 27 USD hay gần 2% lên 1,371 USD/tấn. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm nay ước tính giảm 7,6% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Giá lúa mì tăng do dự báo sản lượng của Nga sụt giảm. Trên sàn Chicago, giá lúa mì tăng 7% Trong khi đó tại Nga, lúa mì Biển Đen loại 12,5% protein nhìn chung giữ vững ở mức cao 193 USD/tấn (FOB) trong suốt một tuần nay, công ty tư vấn SovEcon ở Moscow báo giá lúa mì tăng 2 USD so với cách đây một tuần, lên 197 USD/tấn.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 30/7/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 2.4 JPY tương đương 1.3% xuống 181 JPY (1.67 USD)/kg giữa bối cảnh giới đầu tư đổi theo cuộc đàm phán thương mại Mỹ - Trung. Giá cao su TSR20 kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn TOCOM duy trì vững ở mức 108.63 JPY/kg.

Thị trường hợp đồng tương lai



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	874.50	-1.29%	-3.42	13.2%	92544	8/15/2019	18
VN30F1909	880.00	-0.79%	2.08	116.3%	478	9/19/2019	53
VN30F1912	886.00	-0.85%	8.08	129.6%	62	12/19/2019	144
VN30F2003	883.10	-0.96%	5.18	83.3%	33	3/19/2020	235

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng nhẹ 0.70 điểm lên mức 888.54 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VCB, EIB, GAS, và MBB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 vẫn đang hoạt động dưới ngưỡng kháng cự 890 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cho thấy chỉ số vẫn đang trong xu hướng tăng ngắn hạn.

• Hầu hết HDTL diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, hầu hết các hợp đồng giảm nhẹ so với giá đóng cửa phiên trước đó. Khối lượng giao dịch của các hợp đồng đều đang giảm và vị thế mở đang tăng lên cho hợp đồng VN30F1909 và VN30F1912, cho thấy kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong trung hạn. Dù vậy, nhà đầu tư vẫn có thể theo dõi và ưu tiên những nhịp cạnh mua trong các pha điều chỉnh kỹ thuật của chỉ số cơ sở quanh ngưỡng hỗ trợ 880 điểm.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)
CVNM1901	KIS	12/13/2019	136	10:1	237,440	3.8%	5,000,000
CMWG1902	VND	12/11/2019	134	4:1	16,180	-81.2%	2,400,000
CMWG1901	BSC	9/9/2019	41	4:1	20,860	-50.6%	1,000,000
CMWG1904	SSI	12/30/2019	153	1:1	28,200	-64.0%	1,000,000
CFPT1901	VND	9/11/2019	43	2:1	67,670	-28.8%	2,000,000
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	44	2:1	11,800	-75.8%	1,500,000
CFPT1903	SSI	12/30/2019	153	1:1	29,970	-52.0%	2,000,000
CHPG1902	KIS	12/11/2019	134	5:1	336,400	134.8%	3,000,000
CMWG1903	HSC	12/30/2019	153	5:1	71,420	-65.6%	2,000,000
CMBB1902	HSC	12/17/2019	140	1:1	37,730	-71.9%	1,000,000
CFPT1902	SSI	9/30/2019	62	1:1	62,370	-2.1%	1,000,000
CHPG1904	SSI	9/30/2019	62	1:1	10,150	-85.5%	1,000,000
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	42	5:1	14,460	-71.2%	1,000,000
CHPG1901	MBS	9/10/2019	42	2:1	14,550	48.9%	2,000,000
CMBB1901	SSI	9/28/2019	60	1:1	325,440	81.8%	3,000,000
CHPG1905	SSI	12/30/2019	153	1:1	63,350	95.5%	1,000,000

Chú thích:
* Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
Độ lệch chuẩn là 28.77%
** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 29/07/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm ảm khi phần lớn các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ.

• CHPG1904 và CHPG1902 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 11.05% và 7.14%. CHPG1905 tăng mạnh 13.42%. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ 0.92%, CVNM1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 15% thị trường.

• Các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết, và có sự phân hóa về trạng thái. CHPG1902 và CVNM1901 tiếp tục là những chứng quyền có trạng thái lỗ lớn nhất trên mỗi chứng quyền. CMWG1903 và CMWG1901 đang là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất trên mỗi chứng quyền. CMWG1901 và CMWG1902 lại là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng tăng giá ở hầu hết các chứng khoán cơ sở. Lực mua có thể trở lại trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
SAB	281.00	1.08	0.30
SBT	16.55	0.61	0.04
CII	21.90	0.00	0.00
HDB	26.00	0.00	0.00
REE	32.60	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	84.0	-4.33	-1.90
HPG	21.5	-2.71	-1.42
VIC	122.5	-1.53	-1.14
MBB	21.9	-2.67	-1.09
MWG	103.7	-2.17	-0.94

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
1,200	980	2.08%	105
2,990	5,560	0.00%	4,222
2,000	5,070	-1.74%	4,007
14,000	22,030	-2.74%	17,367
1,900	2,960	-3.27%	1,870
1,500	850	-4.49%	158
6,000	6,790	-5.56%	4,967
1,000	490	-5.77%	0
2,700	3,990	-6.12%	2,731
3,200	3,240	-6.90%	1,767
3,800	4,760	-7.03%	3,460
2,200	1,570	-7.10%	490
1,700	2,000	-7.41%	417
1,200	1,010	-8.18%	185
1,900	2,410	-14.23%	1,736
3,300	2,870	-19.15%	1,128

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	103,700
CHPG1901	47,999	22,900	21,500
CHPG1902	168,888	41,999	21,500
CHPG1903	22,100	23,200	21,500
CMBB1901	23,700	20,600	21,850
CMBB1902	26,300	21,800	21,850
CMWG1902	48,990	90,000	103,700
CPNJ1901	26,300	77,981	76,300
CVNM1901	47,200	158,888	123,500
CFPT1902	96,981	46,000	47,800
CFPT1903	57,000	46,000	47,800
CHPG1904	98,800	23,100	21,500
CHPG1905	93,300	23,100	21,500
CMWG1903	25,800	95,000	103,700
CMWG1904	165,000	90,000	103,700
CFPT1901	27,000	45,000	47,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	103.7	-2.2%	0.7	1,996	4.6	7,159	14.5	4.6	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	76.3	-1.9%	1.0	739	1.7	4,727	16.1	4.2	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	85.3	-0.2%	1.3	2,599	0.6	1,622	52.6	3.9	25.7%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	35.8	-1.6%	0.7	360	0.4	3,025	11.8	1.2	51.2%	10.6%
VIC	Bất động sản	122.5	-1.5%	1.1	17,821	2.0	1,303	94.0	6.9	15.0%	8.9%
VRE	Bất động sản	35.9	-2.4%	1.1	3,630	3.2	1,033	34.7	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	58.4	-0.2%	0.8	2,363	0.8	3,686	15.8	2.8	7.1%	20.8%
REE	Bất động sản	32.6	0.0%	1.1	439	1.3	5,261	6.2	1.1	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	18.0	-0.3%	1.4	274	0.3	3,744	4.8	1.2	48.6%	27.0%
SSI	Chứng khoán	23.4	-3.1%	1.3	517	1.5	2,169	10.8	1.3	58.8%	11.9%
VCI	Chứng khoán	33.5	0.0%	1.0	237	0.2	5,067	6.6	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.3	-0.2%	1.4	283	0.4	1,434	14.8	1.5	57.1%	11.1%
FPT	Công nghệ	47.8	-1.6%	0.8	1,410	4.4	4,061	11.8	2.5	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	41.2	-1.9%	0.4	446	0.0	3,778	10.9	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	109.0	-1.8%	1.5	9,070	1.8	6,019	18.1	4.7	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	64.6	-0.2%	1.5	3,288	2.5	3,412	18.9	3.4	13.0%	18.2%
PVS	Dầu khí	22.1	-0.5%	1.7	459	2.2	2,433	9.1	0.9	24.2%	10.1%
BSR	Dầu khí	10.9	-2.7%	0.8	1,469	0.6	1,163	9.4	1.1	41.1%	11.0%
DHG	Dược	99.9	-0.7%	0.5	568	0.1	4,602	21.7	4.3	54.2%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.5	-2.7%	0.7	247	0.3	838	17.3	0.7	20.3%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.4	0.0%	0.7	193	0.3	894	9.4	0.7	2.6%	7.6%
VCB	Ngân hàng	80.6	-0.5%	1.3	12,997	4.0	4,730	17.0	3.9	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	35.0	-2.2%	1.5	5,202	2.5	2,107	16.6	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.7	-1.0%	1.6	3,351	2.3	1,481	14.0	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	18.7	-0.5%	1.2	1,992	0.7	2,705	6.9	1.3	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	21.9	-2.7%	1.1	2,008	4.0	3,215	6.8	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.9	-0.4%	1.1	1,614	1.1	3,438	6.7	1.6	34.3%	26.4%
BMP	Nhựa	47.9	-1.9%	0.9	170	0.2	5,040	9.5	1.6	76.5%	17.2%
NTP	Nhựa	37.0	-7.0%	0.4	144	0.1	4,490	8.2	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	17.2	-1.7%	1.2	673	0.0	732	23.5	1.3	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.5	-2.7%	1.0	2,581	5.8	2,898	7.4	1.3	38.6%	19.9%
HSG	Thép	7.3	-0.3%	1.5	134	0.5	251	29.1	0.5	17.7%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	123.5	0.0%	0.7	9,350	5.0	5,349	23.1	7.6	59.0%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	281.0	1.1%	0.8	7,835	0.3	6,735	41.7	10.3	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	79.9	-1.4%	1.2	4,061	1.2	4,545	17.6	3.1	40.4%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	16.6	0.6%	0.6	378	1.1	752	22.0	1.4	6.0%	6.1%
ACV	Vận tải	84.0	1.2%	0.8	7,951	0.6	2,630	31.9	6.0	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	133.4	0.0%	1.1	3,141	2.9	9,850	13.5	5.1	20.3%	43.3%
HVN	Vận tải	41.9	-1.4%	1.7	2,584	0.9	1,747	24.0	3.3	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	26.4	-0.4%	0.8	341	0.3	2,245	11.8	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	17.2	-1.4%	0.7	210	0.7	2,505	6.9	1.2	31.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	74.1	-1.1%	0.9	505	1.2	6,806	10.9	3.9	2.7%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.2	-2.8%	0.9	373	0.8	1,333	14.4	1.3	13.0%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	0.3%	0.8	261	0.1	1,657	9.5	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	114.0	-0.9%	0.7	379	0.6	13,465	8.5	1.1	48.7%	13.4%
VCG	Xây dựng	25.9	-0.8%	1.2	497	0.3	1,307	19.8	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.9	0.0%	0.4	236	0.2	337	65.1	1.1	53.0%	1.7%
POW	Điện	13.8	-1.8%	0.6	1,405	0.8	820	16.8	1.3	15.1%	7.8%
NT2	Điện	25.6	-0.8%	0.6	320	0.1	2,241	11.4	1.8	22.5%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	281.00	1.08	0.57	27200.00
TLG	58.90	6.90	0.08	23520.00
HAG	5.23	2.95	0.04	5.66MLN
VPI	42.20	1.81	0.04	184120.00
VHC	88.30	1.15	0.03	156760.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTX	31.30	9.82	0.02	6000.00
AAV	10.40	8.33	0.02	374600.00
NET	31.80	6.35	0.02	1500.00
VCR	17.90	9.82	0.02	205300.00
TVC	14.40	2.13	0.01	280900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	84.00	-4.33	-3.76	987720.00
VIC	122.50	-1.53	-1.88	366670.00
GAS	109.00	-1.80	-1.13	378650.00
BID	35.00	-2.23	-0.81	1.62MLN
VRE	35.85	-2.45	-0.62	2.02MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.60	-2.94	-0.22	3.58MLN
ACB	22.90	-0.43	-0.17	1.10MLN
NTP	37.00	-7.04	-0.08	51300.00
TNG	18.90	-6.90	-0.07	2.18MLN
DGC	32.10	-1.83	-0.05	307700.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	42.80	7.00	0.01	4120.00
TCO	8.57	6.99	0.00	20.00
VIS	13.90	6.92	0.02	41990.00
TLG	58.90	6.90	0.08	23520.00
VNL	15.55	6.87	0.00	50.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSQ	2.20	10.0	0.01	19400.00
NAP	13.30	9.9	0.00	4300.00
CTX	31.30	9.8	0.02	6000.00
VCR	17.90	9.8	0.02	205300.00
STP	6.80	9.7	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	3.72	-7.00	0.00	811660.00
GAB	8.29	-6.96	0.00	671050.00
CIG	2.42	-6.92	0.00	4160.00
RIC	5.40	-6.90	0.00	50.00
YEG	62.40	-6.87	-0.04	54980.00

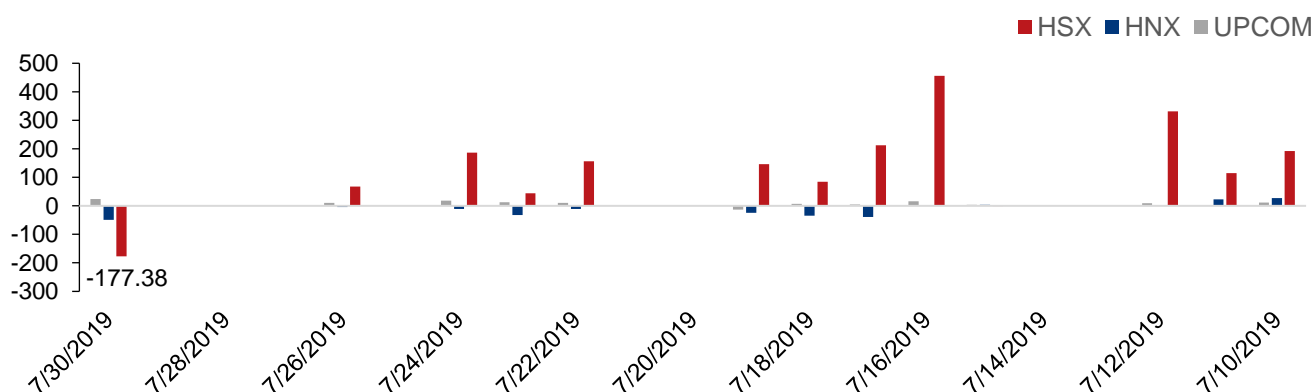
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MDC	8.10	-10.00	-0.01	100.00
SDG	28.00	-9.97	-0.01	7700.00
VHE	22.90	-9.84	-0.01	2000.00
L61	15.70	-9.77	-0.01	100.00
PJC	30.60	-9.73	-0.01	200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



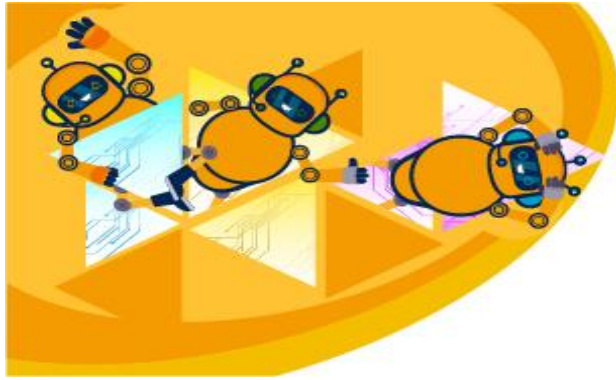
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

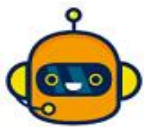
STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	60.0	5,276	11.4	3.2	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.6	4,286	6.7	0.9	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.9	3,438	6.7	1.6	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.6	3,754	5.0	1.4	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	7.3	251	29.1	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		55.0	4,961	11.1	3.3	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	79.9	4,545	17.6	3.1	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	155.0	7,716	20.1	10.4	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	26.4	2,245	11.8	1.3	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	103.7	7,159	14.5	4.6	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.4	3,751	8.1	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	8.3	1,433	5.8	0.5	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	88.3	18,452	4.8	1.8	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	19.7	1,294	15.2	1.5	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.9	3,481	5.4	1.3	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	17.7	2,655	6.7	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	47.8	4,061	11.8	2.5	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	22.5	3,149	7.1	1.1	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	35.3	6,952	5.1	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	22.4	2,589	8.7	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TLG 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 58515 ; Giá tại Publish 54000 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu TLG với giá mục tiêu 58,515 VND/cp, upside 4.5% với phương pháp định giá P/E. Chúng tôi đánh giá, TLG là cổ phiếu ổn định, cổ tức đều hàng năm cũng như không biến động nhiều về LN. BSC dự báo TLG sẽ ghi nhận DTT và LNST lần lượt đạt mức 3,255 tỷ VND (+13% yoy) và 330 tỷ VND (+12.1% yoy), EPS 2019 (đã trừ 5% quỹ KTPL) = 4,433 VND/cp.
Express BMI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 30100 ; Giá tại Publish 24000 BSC dự báo, BMI sẽ ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm đạt mức 3,214 tỷ VND (+1% yoy), LNST = 179 tỷ VND (+10% yoy), BVPS 2019 = 25,104 VND/cp. Định hướng của BMI Tỷ lệ bồi thường bảo hiểm xe cao (45%). Bảo hiểm sức khỏe: kế hoạch tăng trưởng 10%-12%/năm. Đầu tư Tập trung vào tiền gửi lãi suất sao (8%-8.4%), cao hơn nhiều so với kinh doanh trái phiếu.
Express STB 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 14700 ; Giá tại Publish 11300 BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt đạt mức 13,227 tỷ VND (+13.3% yoy) và 2,574 tỷ VND (+14.6% yoy), BVPS 2019 = 14,699 VND/cp. STB là cổ phiếu có thể mua và nắm giữ trong dài hạn nhờ (1) sự tích cực trong việc xử lý nợ xấu, (2) quy mô lớn, có sự phục hồi về LN.
Express PVI 2019Q3	30/7/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 40010 ; Giá tại Publish 37400 BSC dự báo, cho cả năm 2019, PVI sẽ ghi nhận DTT về hoạt động bảo hiểm và LNNT đạt mức 6,305 tỷ VND (+10.9% yoy) và 644 tỷ VND (+17% yoy). KQKD quý 2Q2019 tăng trưởng ấn tượng. Trong 2Q2019, PVI đã ghi nhận DTT từ hoạt động bảo hiểm và LNNT đạt mức 901 tỷ VND (-0.7% yoy) và 288 tỷ VND (+187.6% yoy).

BSC Invest
Your Money. You invest

- ♦ Bạn không có thời gian để đầu tư
- ♦ Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- ♦ Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

• BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
BDS & Khu công nghiệp	-0.2%	-0.7%	1.5%	-1.5%	4.8%	2.6%	43.7%	103.0%
Hàng tiêu dùng	-0.3%	-1.2%	3.1%	2.2%	7.2%	9.8%	63.9%	214.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.5%	-0.9%	3.2%	3.6%	6.3%	8.0%	49.1%	183.8%
Dầu khí	-0.9%	0.1%	2.3%	-1.2%	15.1%	20.3%	22.5%	-12.1%
Chiến tranh thương mại	-2.1%	-3.6%	-2.8%	-2.6%	2.3%	12.2%	14.1%	128.7%
Vật liệu Xây dựng	-2.2%	-3.2%	0.0%	-1.4%	7.9%	5.4%	13.4%	178.7%
* Note	Danh mục BDS & Khu công nghiệp hôm nay giảm nhẹ hơn thị trường với -0.2%, đồng thời, danh mục Vật liệu xây dựng giảm 2.2%, tuy nhiên, đây là danh mục gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 9	-0.5%	-1.5%	4.9%	1.8%	6.1%	11.0%	50.0%	130.9%
Danh mục 14	-0.7%	-0.7%	2.7%	-0.5%	5.2%	4.4%	37.0%	48.5%
Danh mục 3	-0.7%	-1.8%	-0.9%	-3.7%	2.3%	-1.2%	28.5%	110.7%
Danh mục 13	-1.7%	-2.6%	1.6%	-1.5%	0.3%	1.1%	28.3%	119.0%
Danh mục 5	-1.9%	-1.5%	4.2%	-1.1%	7.6%	6.7%	81.6%	151.0%
* Note								
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 22	-0.3%	-1.2%	5.2%	4.0%	10.9%	3.2%	58.4%	170.7%
Danh mục 19	-0.5%	-0.9%	4.9%	3.1%	8.8%	8.5%	52.6%	124.5%
Danh mục 21	-1.1%	-1.3%	3.9%	0.7%	9.3%	4.7%	43.1%	53.6%
Danh mục 24	-1.9%	-1.8%	6.7%	3.9%	14.9%	11.4%	64.1%	192.2%
Danh mục 25	-2.2%	-2.4%	3.7%	6.7%	21.1%	38.4%	178.0%	248.0%
* Note								
INDEX								
VNINDEX	-1.2%	-0.3%	3.8%	0.7%	8.3%	3.8%	51.2%	65.4%
VN30INDEX	-1.2%	-1.2%	1.6%	-1.4%	1.4%	-6.6%	37.4%	37.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

